

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Hà Nội - Tháng 01 năm 2010

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại lô B1 DN 14/3 Nguyễn Khánh Toàn - Cầu Giấy - Hà Nội.

Cổ phiếu của công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: EBS

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Bùi Vũ Hùng	Chủ tịch lâm thời (bổ nhiệm 11/11/2009)
	Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch (miễn nhiệm 11/12/2009)
	Ông Chu Công Uẩn	Ủy viên (miễn nhiệm 11/12/2009)
	Ông Hà Sỹ Tuyển	Ủy viên
	Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Ủy viên
	Ông Cấn Hữu Hải	Ủy viên (bổ nhiệm 13/01/2010)
	Ông Đinh Khắc Cao	Ủy viên (bổ nhiệm 13/01/2010)
Ban Giám đốc	Ông Cấn Hữu Hải	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/12/2009)
	Ông Chu Công Uẩn	Giám đốc (chuyển công tác từ ngày 1/12/2009)
	Ông Bùi Vũ Hùng	Phó Giám đốc
	Ông Phạm Quỳnh	Phó Giám đốc

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo nhận định của Ban giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kết toán năm cần thiết phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Moore Stephens International Limited.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Cần Hữu Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần
Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
 Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 04 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày trên, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)
Thành viên đại diện Moore Stephens International Limited.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		64.837.376.179	54.429.857.308
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.713.705.113	13.657.320.404
1. Tiền	111	5.1	4.713.705.113	13.657.320.404
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.794.943.157	18.495.361.502
1. Phải thu khách hàng	131		23.127.132.235	18.165.816.187
2. Trả trước cho người bán	132		105.803.626	93.122.848
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	880.779.646	748.582.190
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.318.772.350)	(512.159.723)
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	35.853.800.938	21.391.594.929
1. Hàng tồn kho	141		36.323.597.520	21.422.182.480
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(469.796.582)	(30.587.551)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.474.926.971	885.580.473
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	1.060.012.671	669.640.992
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		5.000.000	12.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		409.914.300	203.939.481
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		30.698.668.646	35.690.542.929
II Tài sản cố định	220		14.559.869.370	14.801.828.167
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	14.534.306.040	14.765.704.837
- Nguyên giá	222		16.487.538.814	16.169.784.662
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.953.232.774)	(1.404.079.825)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	25.563.330	36.123.330
- Nguyên giá	228		62.800.000	62.800.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.236.670)	(26.676.670)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.410.000.000	5.093.700.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.7	3.660.000.000	5.093.700.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.7	750.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.728.799.276	15.795.014.762
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	11.723.799.276	15.751.514.762
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.000.000	43.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		95.536.044.825	90.120.400.237

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		34.349.061.961	28.224.395.487
I- Nợ ngắn hạn	310		34.209.082.782	27.686.001.397
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	3.318.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		27.375.648.187	25.481.386.477
3. Người mua trả tiền trước	313		49.985.522	215.703.541
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	1.661.683.066	253.678.268
6. Chi phí phải trả	316	5.11	1.408.716.445	1.506.664.678
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	395.049.562	228.568.433
II- Nợ dài hạn	330		139.979.179	538.394.090
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	398.414.911
3. Phải trả dài hạn khác	333		46.000.000	46.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		93.979.179	93.979.179
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		61.186.982.864	61.896.004.750
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	61.186.982.864	61.896.004.750
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		51.097.420.000	51.097.420.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.778.425.126	2.778.425.126
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		823.252.473	1.838.244.818
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		402.814.818	649.334.943
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.085.070.447	5.532.579.863
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432	23	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		95.536.044.825	90.120.400.237

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu	Dai han Kế toán trưởng	Giám đốc
Phạm Thị Thanh	Nguyễn Thị Khánh Quyên	Cần Hữu Hải

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	105.650.620.511	94.276.866.388
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.15	1.457.037.677	492.205.179
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	104.193.582.834	93.784.661.209
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	81.727.110.729	72.739.150.489
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		22.466.472.105	21.045.510.720
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	701.618.269	180.305.603
7. Chi phí tài chính	22	5.18	112.430.640	650.024.092
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>87.515.156</i>	<i>643.775.690</i>
8. Chi phí bán hàng	24		8.673.299.899	7.518.889.185
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.201.010.032	3.981.965.005
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		9.181.349.803	9.074.938.041
11. Thu nhập khác	31		188.327.946	36.393.991
12. Chi phí khác	32		2.001.380	3.329.552
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		186.326.566	33.064.439
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		9.367.676.369	9.108.002.480
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	1.615.997.560	1.275.120.347
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		7.751.678.809	7.832.882.133
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	1.517,04	1.801,13

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Thanh

Nguyễn Thị Khánh Quyên

Cần Hữu Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, c.cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	78.623.274.897	72.154.585.242
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(73.437.870.674)	(63.498.485.535)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.978.592.060)	(5.099.299.837)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(87.515.156)	(213.245.690)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(106.998.938)	(1.578.986.785)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.231.552.142	733.936.855
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.037.331.996)	(2.031.675.025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.793.481.785)	466.829.225
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(54.738.218)	(2.804.961.546)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	22.500.000	22.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(750.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.555.200.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	580.118.269	180.305.603
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.353.080.051	(2.602.155.943)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	25.548.710.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.673.959.295	4.071.652.980
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.814.522.170)	(17.453.176.384)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.371.210.000)	(5.109.742.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.511.772.875)	7.057.444.596
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(8.952.174.609)	4.922.117.878
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.657.320.404	8.757.702.526
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	4.705.145.795	13.679.820.404

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2010
 Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh

Nguyễn Thị Khánh Uyên

Cán Hữu Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trụ sở chính của Công ty tại Lô B1 DN 14/3 Nguyễn Khánh Toàn - Cầu Giấy - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 là: 51.097.420.000 đồng (Năm mươi một tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng chẵn). Tương đương với 5.109.742 cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu EBS.

Số lao động bình quân: 67 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103004437 ngày 24 tháng 05 năm 2004 thay đổi lần thứ ba ngày 01 tháng 10 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: kinh doanh sách giáo dục, sách báo, tạp chí, văn phòng phẩm...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành.

Trong quá trình soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng hàng gửi bán được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2009
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	50
Máy móc và thiết bị	03-10
Thiết bị văn phòng	03-05
Phương tiện vận tải	06-10

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình bao gồm Bản quyền sách, phần mềm kế toán, bán hàng được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao là chi phí bản thảo, được phân bổ theo thời gian thảo bản thảo, thông thường là 3 năm, theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí thường doanh số và hoa hồng môi giới, chi phí bản thảo và phí phát hành.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần (nếu có) được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được miễn 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm 2007.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Nhà xuất bản Giáo dục, các công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh duy nhất là kinh doanh sách giáo dục và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	376.485.965	418.106.994
Tiền gửi ngân hàng	4.337.219.148	13.239.213.410
Tổng	4.713.705.113	13.657.320.404

5.2 Phải thu khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu khác	880.779.646	748.582.190
<i>Tạm ứng tiền lương</i>	<i>667.045.030</i>	<i>537.215.315</i>
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi chi trước</i>	<i>169.088.293</i>	<i>196.315.111</i>
<i>Bảo hiểm xã hội, y tế nộp thừa</i>	<i>-</i>	<i>2.571.118</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>44.646.323</i>	<i>12.480.646</i>
Tổng	880.779.646	748.582.190

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.239.284.489	1.547.242.404
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	236.950.273	180.036.992
Thành phẩm	17.050.139.082	12.968.305.605
Hàng hoá	9.642.883.295	4.345.481.987
Hàng gửi đi bán	2.154.340.381	2.381.115.492
Tổng giá gốc hàng tồn kho	36.323.597.520	21.422.182.480
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(469.796.582)	(30.587.551)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	35.853.800.938	21.391.594.929

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuê văn phòng, kho, cửa hàng	552.000.000	405.000.000
Thuế GTGT không được khấu trừ	508.012.671	264.640.992
Tổng	1.060.012.671	669.640.992

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2009	13.482.599.728	136.161.221	2.192.894.938	358.128.775	16.169.784.662
Tăng trong kỳ	-	33.026.400	429.294.334	33.435.818	495.756.552
Mua trong kỳ	-	33.026.400	429.294.334	33.435.818	495.756.552
Giảm trong kỳ	-	-	153.794.400	24.208.000	178.002.400
Thanh lý, nhượng bán	-	-	153.794.400	24.208.000	178.002.400
Số dư tại 31/12/2009	13.482.599.728	169.187.621	2.468.394.872	367.356.593	16.487.538.814
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2009	263.727.115	102.127.826	802.221.584	236.003.300	1.404.079.825
Tăng trong kỳ	269.651.995	24.712.673	376.467.990	56.322.691	727.155.349
Khấu hao trong kỳ	269.651.995	24.712.673	376.467.990	56.322.691	727.155.349
Giảm trong kỳ	-	-	153.794.400	24.208.000	178.002.400
Thanh lý, nhượng bán	-	-	153.794.400	24.208.000	178.002.400
Số dư tại 31/12/2009	533.379.110	126.840.499	1.024.895.174	268.117.991	1.953.232.774
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 31/12/2009	12.949.220.618	42.347.122	1.443.499.698	99.238.602	14.534.306.040
Tại 01/01/2009	13.218.872.613	34.033.395	1.390.673.354	122.125.475	14.765.704.837

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2009 là 668.840.738 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.6 Tài sản cố định vô hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2009	20.000.000	42.800.000	62.800.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 31/12/2009	20.000.000	42.800.000	62.800.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2009	7.883.333	18.793.337	26.676.670
Tăng trong kỳ	2.000.000	8.560.000	10.560.000
Khấu hao trong kỳ	2.000.000	8.560.000	10.560.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 31/12/2009	9.883.333	27.353.337	37.236.670
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 31/12/2009	10.116.667	15.446.663	25.563.330
Tại 01/01/2009	12.116.667	24.006.663	36.123.330

5.7 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	3.660.000.000	5.093.700.000
<i>Công ty Cổ phần Sách thiết bị và Thương mại dịch vụ Hải Phòng (i)</i>	3.660.000.000	3.660.000.000
<i>Công ty Cổ phần in Hà Tây (ii)</i>	-	1.433.700.000
Đầu tư dài hạn khác	750.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục</i>	750.000.000	-
Tổng	4.410.000.000	5.093.700.000

(i) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Sách thiết bị và Thương mại dịch vụ Hải Phòng nhằm xây dựng và kinh doanh siêu thị sách tại Thành phố Hải Phòng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty là 40%.

(ii) Trong năm 2009, Công ty đã bán toàn bộ phần vốn góp vào công ty Cổ phần in Hà Tây

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MÀU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí bản thảo	11.723.799.276	15.751.514.762
	11.723.799.276	15.751.514.762

5.9 Vay ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	3.318.000.000	-
Tổng	3.318.000.000	-

5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.709.829	11.241.022
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.615.997.560	106.998.938
Thuế thu nhập cá nhân	39.975.677	135.438.308
Tổng	1.661.683.066	253.678.268

5.10 Chi phí phải trả

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí thường doanh số và hoa hồng môi giới	743.673.134	852.206.801
Chi phí bản thảo và phí phát hành	665.043.311	654.457.877
Tổng	1.408.716.445	1.506.664.678

5.11 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	12.255.530
Kinh phí công đoàn	56.167.340	32.744.736
Bảo hiểm xã hội	69.601.439	-
Bảo hiểm y tế	43.175.610	-
Cổ tức phải trả	28.230.000	5.875.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	197.875.173	177.693.167
Tổng	395.049.562	228.568.433

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.12 Vốn chủ sở hữu

a - Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2008	25.548.710.000	1.503.304.779	1.521.366.160	506.256.285	462.521.332	29.542.158.556
Tăng trong năm	25.548.710.000	1.275.120.347	316.878.658	347.878.658	7.832.882.133	35.321.469.796
Tăng vốn	25.548.710.000	-	-	-	-	25.548.710.000
Lãi	-	-	-	-	7.832.882.133	7.832.882.133
Phân phối lợi nhuận	-	1.275.120.347	316.878.658	347.878.658	-	1.939.877.663
Giảm trong năm	-	-	-	204.800.000	2.762.823.602	2.967.623.602
Trả cổ tức và giảm khác	-	-	-	204.800.000	2.762.823.602	2.967.623.602
Số dư tại 31/12/2008	51.097.420.000	2.778.425.126	1.838.244.818	649.334.943	5.532.579.863	61.896.004.750
Số dư tại 01/01/2009	51.097.420.000	2.778.425.126	1.838.244.818	649.334.943	5.532.579.863	61.896.004.750
Tăng trong kỳ	-	-	376.820.607	320.879.875	7.751.678.809	8.449.379.291
Phân phối lợi nhuận	-	-	376.820.607	320.879.875	-	697.700.482
Lãi	-	-	-	-	7.751.678.809	7.751.678.809
Giảm trong kỳ	-	-	1.391.812.952	567.400.000	7.199.188.225	9.158.401.177
Trả cổ tức và giảm khác	-	-	1.391.812.952	567.400.000	5.747.846.530	7.707.059.482
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.451.341.695	1.451.341.695
Số dư tại 31/12/2009	51.097.420.000	2.778.425.126	823.252.473	402.814.818	6.085.070.447	61.186.982.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.12 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vốn góp Nhà nước (NXB Giáo dục Việt Nam)	14.032.000.000	20.861.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	37.065.420.000	30.236.420.000
Tổng	51.097.420.000	51.097.420.000

c. Cổ tức

Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 12,5% trên vốn điều lệ 51.097.420.000

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

Cổ tức kế hoạch năm 2009 là 12,5% trên vốn điều lệ 51.097.420.000 đồng, tuy nhiên quyết định cuối cùng về việc phân chia lợi nhuận tùy thuộc vào quyết định của Đại hội cổ đông thường niên năm 2009. Cổ tức theo quyết định của Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 có thể khác với cổ tức kế hoạch.

d. Cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.109.742	5.109.742
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.109.742	5.109.742
Cổ phiếu phổ thông	5.109.742	5.109.742
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.109.742	5.109.742
Cổ phiếu phổ thông	5.109.742	5.109.742
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000 đồng/cổ
phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.13 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	105.650.620.511	94.276.866.388
Tổng	105.650.620.511	94.276.866.388

5.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.457.037.677	492.205.179
Tổng	1.457.037.677	492.205.179

5.15 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu thuần sách giáo khoa, sách tham khảo	104.193.582.834	93.784.661.209
Tổng	104.193.582.834	93.784.661.209

5.16 Giá vốn hàng bán

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	81.727.110.729	72.739.150.489
Tổng	81.727.110.729	72.739.150.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.17 Doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính	701.618.269	180.305.603
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	278.248.194	180.305.603
Lãi đầu tư cổ phiếu	289.965.475	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	133.404.600	-
Chi phí tài chính	112.430.640	650.024.092
Lãi tiền vay	87.515.156	643.775.690
Chi phí hoạt động tài chính khác	24.915.484	6.248.402
Thu nhập hoạt động tài chính	589.187.629	(469.718.489)

5.17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.367.676.369	9.108.002.480
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (lãi cổ tức nhận được)	133.404.600	-
Lợi nhuận tính thuế	9.234.271.769	9.108.002.480
Thuế suất áp dụng	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	2.308.567.942	2.550.240.694
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	692.570.382	1.275.120.347
Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	1.615.997.560	1.275.120.347
Chi phí thuế TNDN của các kỳ trước	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.615.997.560	1.275.120.347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	7.751.678.809	7.832.882.133
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND):		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.751.678.809	7.832.882.133
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.109.742	4.348.865
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.517	1.801

5.19 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.563.036.957	49.657.326.817
Chi phí nhân công	29.804.937.346	25.694.077.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	737.715.349	691.647.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.311.985.408	3.080.913.637
Chi phí khác bằng tiền	3.890.801.834	3.919.096.926
Tổng	106.308.476.894	83.043.061.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Các giao dịch và số dư trọng yếu với các bên liên quan

Các giao dịch (VND)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch
NXB Giáo dục tại Hà Nội	Ảnh hưởng đáng kể	Chi phí bản thảo và mua sách	1.662.936.960
NXB Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh	Ảnh hưởng đáng kể	Chi phí bản thảo và mua sách	590.150.671
NXB Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	Ảnh hưởng đáng kể	Chi phí bản thảo và mua sách	772.704.615
NXB Giáo dục tại Tp. Cần Thơ	Ảnh hưởng đáng kể	Chi phí bản thảo và mua sách	2.598.197.206
Công ty CP Sách GD tại Tp. Đà Nẵng	Công ty con của NXB Giáo dục	Mua sách Bán sách	17.623.158.192 5.320.735.488
Công ty CP Sách GD tại Tp. Hồ Chí Minh	Công ty con của NXB Giáo dục	Mua sách Bán sách	8.865.779.213 11.468.882.834
Công ty CP Sách đại học và dạy nghề	Công ty con của NXB Giáo dục	Mua sách	1.338.296.880
Công ty CP Sách dịch và từ điển	Công ty con của NXB Giáo dục	Mua sách	2.526.722.415
Công ty CP Sách dân tộc	Công ty con của NXB Giáo dục	Mua sách Bán sách	1.474.587.290
Công ty CP Đầu tư phát triển GD Đà Nẵng	Công ty con của NXB Giáo dục	Mua sách Bán sách	6.761.105.072 3.056.360.300
Công ty CP Đầu tư phát triển GD Hà Nội	Công ty con của NXB Giáo dục	Mua sách Bán sách	1.797.311.207

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số dư với các bên liên quan (VND)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	31/12/2009
NXB Giáo dục tại Hà Nội	Công ty mẹ	Phải trả tiền bản thảo và mua sách	8.511.963.620
NXB Giáo dục tại Tp Đà Nẵng	Công ty mẹ	Phải trả tiền bản thảo và mua sách	1.908.412.810
NXB Giáo dục tại Tp Hồ Chí Minh	Công ty mẹ	Phải trả tiền bản thảo và mua sách	1.219.313.700
Công ty CP Sách GD tại Tp. Đà Nẵng	Công ty con của NXB Giáo dục	Phải trả tiền mua sách	4.877.576.884
Công ty CP Sách GD tại Tp. Hồ Chí Minh	Công ty con của NXB Giáo dục	Phải thu tiền bán sách	2.014.291.442
Công ty CP Dịch vụ và XB Hà Nội	Công ty con của NXB Giáo dục	Phải trả tiền bản thảo và mua sách	2.777.649.348
Công ty CP Dịch vụ và XB Gia Định	Công ty con của NXB Giáo dục	Phải trả tiền mua sách	1.303.822.200
Công ty CP Dịch vụ và XB Đà Nẵng	Công ty con của NXB Giáo dục	Phải trả tiền mua sách	779.046.000
Công ty CP Sách dân tộc	Công ty con của NXB Giáo dục	Phải trả tiền mua sách	444.921.310
Công ty CP Đầu tư phát triển GD Đà Nẵng	Công ty con của NXB Giáo dục	Phải trả tiền mua sách	1.852.835.226

6.2 Thông tin khác

Ngày 20/11/2009, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 457/UBCK-GCN cho Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được phép chào bán ra công chúng 5.109.742 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu. Thời gian đăng ký mua và nộp tiền từ 25/12/2009 đến 26/01/2010. Số cổ phiếu không được cổ đông mua theo phương thức thực hiện quyền (nếu có) sẽ được tổ chức bảo lãnh phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội mua lại với giá 10.000 đ/cổ phiếu theo hợp đồng bảo lãnh phát hành số 81/2009/SHSHĐTV ngày 11/8/2009.

6.3 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM).

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2010

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phạm Thị Thanh

Nguyễn Thị Khánh Quyên

Cán Hữu Hải